

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CẦU ÔNG LÃNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

THÔNG BÁO THU KHỐI 6 THÁNG 01 NĂM HỌC 2025-2026

LỚP	6A1 (TATC - BT)	6A1 (TATC - KBT)	6A2 (Immersive-BT)	6A2 (Immersive-KBT)	6A3, 6A4, 6A5 (TANN - BT)	6A3, 6A4, 6A5 (TANN - KBT)	6A6, 6A7 (BT)	6A6, 6A7 (KBT)
Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	300.000		300.000		300.000		300.000	
Tiền nước uống	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000
Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp có máy lạnh	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000
Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
Tin học theo đề án	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ	132.000	132.000						
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài					260.000	260.000		
Tiền tổ chức chương trình học ngoại ngữ thông qua môn toán và khoa học			800.000	800.000				
Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
Tiền tổ chức giáo dục STEM			90.000	90.000	180.000	180.000	180.000	180.000
Tiền suất ăn trưa bán trú (20bx40.000đ =800.000đ)	800.000		800.000		800.000		800.000	
TỔNG CỘNG	1.557.000	457.000	2.315.000	1.215.000	1.865.000	765.000	1.605.000	505.000

Người lập bảng



Đào Thị Thu Hiền

Phường Cầu Ông Lãnh, Ngày 07 tháng 01 năm 2026



Hiệu Trưởng

Phan Thị Tuyết Nhung

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CẦU ÔNG LÃNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

THÔNG BÁO THU KHỐI 7 THÁNG 01 NĂM HỌC 2025-2026

LỚP	7A1, 7A2 (TATC - BT)	7A1, 7A2 (TATC - KBT)	7A3, 7A4, 7A5 (TANN-BT)	7A3, 7A4, 7A5 (TANN-KBT)	7A6, 7A7 - BT	7A6, 7A7 - KBT
Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	300.000		300.000		300.000	
Tiền nước uống	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000
Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp có máy lạnh	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000
Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
Tin học theo đề án	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ	132.000	132.000				
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	260.000	260.000	260.000	260.000		
Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
Tiền tổ chức giáo dục STEM			180.000	180.000	180.000	180.000
Tiền suất ăn trưa bán trú (20bx40.000đ =800.000đ)	800.000		800.000		800.000	
TỔNG CỘNG	1.817.000	717.000	1.865.000	765.000	1.605.000	505.000

Phường Cầu Ông Lãnh, Ngày 07 tháng 01 năm 2026

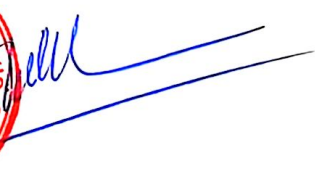
Người lập bảng



Đào Thị Thu Hiền

Hiệu Trưởng




Thân Thị Tuyết Nhung

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CẦU ÔNG LÃNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

THÔNG BÁO THU KHỎI 8 THÁNG 01 NĂM HỌC 2025-2026

LỚP	8A1, 8A2 (TATC - BT)	8A1, 8A2 (TATC - KBT)	8A3, 8A4, 8A5, 8A6 (TANN-BT)	8A3, 8A4, 8A5, 8A6 (TANN-KBT)	8A7, 8A8 - BT	8A7, 8A8 - KBT
Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	300.000		300.000		300.000	
Tiền nước uống	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000
Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp có máy lạnh	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000
Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
Tin học theo đề án	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ	132.000	132.000				
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	260.000	260.000	260.000	260.000		
Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
Tiền tổ chức giáo dục STEM			180.000	180.000	180.000	180.000
Tiền suất ăn trưa bán trú 20x40.000đ =800.000đ)	800.000		800.000		800.000	
TỔNG CỘNG	1.817.000	717.000	1.865.000	765.000	1.605.000	505.000

Phường Cầu Ông Lãnh, Ngày 07 tháng 01 năm 2026

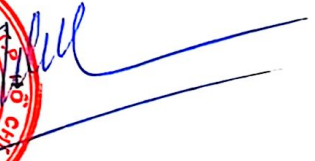
Hiệu Trưởng

Người lập bảng



Đào Thị Thu Hiền




Thân Thị Tuyết Nhung

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CẦU ÔNG LÃNH
TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

THÔNG BÁO THU KHỐI 9 THÁNG 11 NĂM HỌC 2025-2026

LỚP	9A1, 9A2, 9A5 (TANN - BT)	9A1, 9A2, 9A5 (TANN - KBT)	9A3, 9A4 (TATC - BT)	9A3, 9A4 (TATC - KBT)	9A6, 9A7, 9A8 - BT	9A6, 9A7, 9A8 - KBT
Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	300.000		300.000		300.000	
Tiền nước uống	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000
Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp có máy lạnh	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000
Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
Tin học theo đề án	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000	145.000
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ			132.000	132.000		
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	260.000	260.000	260.000	260.000		
Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống						
Tiền tổ chức giáo dục STEM	180.000	180.000			180.000	180.000
Tiền suất ăn trưa bán trú (20bx40.000đ =800.000đ)	800.000		800.000		800.000	
TỔNG CỘNG	1.785.000	685.000	1.737.000	637.000	1.525.000	425.000

Phường Cầu Ông Lãnh, Ngày 07 tháng 01 năm 2026


Người lập bảng

Hiệu Trưởng



Đào Thị Thu Hiền




Thân Thị Tuyết Nhung